

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ TẠO MÁY ĐND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ TẠO MÁY ĐND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ĐND MACHINE MANUFACTURING AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ĐND MANUFACTURING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108955598

3. Ngày thành lập: 23/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 22, ngõ 44, đội 9 thôn Thượng Phúc, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982 317 068

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2.	Khai thác và thu gom than non	0520
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
5.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
6.	Đúc sắt, thép	2431
7.	Đúc kim loại màu	2432
8.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
10.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
11.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

14.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại.	2599
15.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
16.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
17.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
18.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
19.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
20.	Sản xuất đồng hồ	2652
21.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
22.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
23.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
24.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
25.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
26.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
27.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
28.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
29.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
30.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
31.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
32.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
33.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
34.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

35.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
36.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
37.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
38.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
39.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
40.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
41.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
42.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
43.	Sản xuất máy luyện kim	2823
44.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
45.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
46.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
47.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
48.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
49.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
50.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
51.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
52.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
53.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312(Chính)
54.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
55.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
56.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
57.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
58.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình điện	4221
64.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
67.	Xây dựng công trình thủy	4291
68.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
69.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71.	Phá dỡ	4311
72.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
75.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
76.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
77.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
78.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
79.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4530
80.	Bán mô tô, xe máy Trừ hoạt động đấu giá	4541
81.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
82.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Trừ hoạt động đấu giá	4543
83.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
84.	Cho thuê xe có động cơ	7710
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: Động cơ, dụng cụ máy, thiết bị khai khoáng, thiết bị đo lường và điều khiển, máy móc công nghiệp, container, palet.	7730

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ NGUYỄN DUY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/12/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034084006312

Ngày cấp: 21/10/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn Duyên Tục, Xã Phú Lương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 2, thôn Duyên Tục, Xã Phú Lương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ NGUYỄN DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034084006312

Ngày cấp: 21/10/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn Duyên Tục, Xã Phú Lương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 2, thôn Duyên Tục, Xã Phú Lương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội